

Số: /TB-UBND

Yên Thành, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: **Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An - Giai đoạn 2 – đoạn tuyến 2 từ Km 0+686,58 đến Km 1+453,23 thuộc tuyến chính**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định về đất trồng lúa và Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/04/2015 của liên bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về thống kê, kiểm kê lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; số 10/2024/TT-BTNMT ngày

31/7/2024 quy định về hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An: Số 438/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Thành; số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, địa điểm công trình dự án trong quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Thành đến năm 2030; số 22/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Yên Thành; số 39/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 về việc quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 41/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 về sửa đổi, bổ sung thay thế một số nội dung của Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024.

Căn cứ Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Quyết định số 6927/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND huyện Yên Thành về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2) dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 15/09/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc bổ sung số: 602/2025/BĐĐC/CTMT tỷ lệ 1/2000 do Công ty CP quy hoạch công trình Miền trung lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 02/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND xã Yên Thành về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổ giúp việc cho Hội đồng để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An);

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hội đồng bồi thường GPMB dự án. Ủy ban nhân dân xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An thông báo như sau:

1. Thu hồi đất tại xóm Hoa Thám, xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

Thu hồi **10.051,5** m² đất bao gồm: 5.601,9 m² đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước (LUC) được nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo Nghị định số 64/NĐ-CP; 72,0 m² đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước còn lại (LUK) do UBND xã quản lý; 1.811,1 m² đất thủy lợi (DTL) và 2.566,5 m² đất giao thông (DGT) do UBND xã Yên Thành quản lý theo Mảnh bản đồ địa chính số 22, 24 (Bản đồ trí đo số 602/2025/BĐĐC/CTMT) tại xóm Hoa Thám, xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An thuộc có phụ lục danh sách kèm theo.

2. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An) - Giai đoạn 2 – đoạn tuyến 2 từ Km 0+686,58 đến Km 1+453,23 thuộc tuyến chính.

3. Dự kiến về kế hoạch bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 04 năm 2026.

- Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An) - Giai đoạn 2 – đoạn tuyến 2 từ Km 0+686,58 đến Km 1+453,23 thuộc tuyến chính. Phối hợp thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Giao phòng Kinh tế phối hợp cùng Hội đồng bồi thường GPMB dự án, ban Quản lý dự án (nếu có) gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn xã. Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thanh của xã, xóm; niêm yết thông báo thu hồi đất tại Trụ sở UBND xã Yên Thành và các nhà Văn hóa xóm nơi có đất thu hồi; đăng tải lên cổng thông tin điện tử của UBND xã trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

UBND xã Yên Thành thông báo cho các tổ chức, cá nhân liên quan có đất, tài sản bị ảnh hưởng bởi dự án trên biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND;
- Chủ tịch UBND xã;
- Các PCT UBND xã;
- Hội đồng BT GPMB dự án;
- Phòng VH-XH; KT (thực hiện);
- BCH xóm Hoa Thám (phối hợp);
- Các hộ dân có DS kèm theo; (thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử UBND xã;
- Lưu: VT, HS (Chiến).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

Phụ lục danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An) - Giai đoạn 2 – đoạn tuyến 2 từ Km 0+686,58 đến Km 1+453,23 thuộc tuyến chính

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
1	Nguyễn Quang Hào	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	346	1.478,8	392,3		1.086,5	392,3	Đồng Kênh	LUC
2	Cao Bá Khánh	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	350	1.912,6	437,8		1.474,8	437,8	Đồng Lò gạch	LUC
3	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	351	180,0	162,4		17,6	162,4	Đồng Lò gạch	DTL
4	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	331	3.364,0	2.561,6		802,4	2.561,6	Đồng Lò gạch	DGT
5	Phan Bá Trí	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	323	1.087,4	158,6		928,8	158,6	Đồng Nếp	LUC
6	Phan Bá Đức	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	311	1.049,2	183,5	69,1	796,6	183,5	Đồng Nếp	LUC
7	Nguyễn Thị Soa	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	424	688,9	162,0	48,7	478,2	162,0	Đồng Mương Lách	LUC
8	Nguyễn Quang Hường	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	425	688,9	177,7		511,2	177,7	Đồng Mương Lách	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
9	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	315	132,1	119,6		12,5	119,6	Đồng Mương Lách	DTL
10	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	416	40,4	10,6		29,8	10,6	Đồng Mương Lách	DTL
11	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	318	199,4	121,2		78,2	121,2	Đồng Mương Lách	DTL
12	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	280	155,5	142,4		13,1	142,4	Đồng Mương Lách	DTL
13	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	288	200,6	149,2		51,4	149,2	Đồng Mương Lách	DTL
14	Chu Văn Liên	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	301	1.494,9	172,8		1.322,1	172,8	Đồng Nếp	LUC
15	Nguyễn Thị Lam	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	272	825,9	191,7		634,2	191,7	Đồng Nếp	LUC
16	Nguyễn Hồng Công	Hoa Thám	Mảnh 24-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	277	2.509,0	314,3		2.194,7	314,3	Đồng Mương Lách	LUC
17	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2023	78,3	12,8		65,5	12,8	Đồng Mương Lách	DTL
18	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2024	31,0	10,8		20,2	10,8	Đồng Mương Lách	DTL
19	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	295	33,4	8,8		24,6	8,8	Đồng Mương Lách	DTL

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
20	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2002	196,9	130,8		66,1	130,8	Đồng Mương Lách	DTL
21	Phan Duy Mân	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1743	3.247,0	212,4		3.034,6	212,4	Đồng Mương Lách	LUC
22	Phan Tất Cung	Đội Cung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2005	1.052,5	212,1		840,4	212,1	Đồng Giồng	LUC
23	Phan Sỹ Trang	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1965	1.425,1	153,5		1.271,6	153,5	Đồng Giồng	LUC
24	Chu Văn Thái	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1976	856,5	94,3		762,2	94,3	Đồng Khoai Dưới	LUC
25	Chu Văn Trường	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1984	1.051,2	126,6		924,6	126,6	Đồng Khoai Dưới	LUC
26	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1906	218,3	116,3		102,0	116,3	Đồng Khoai Dưới	DTL
27	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1996	146,0	86,3		59,7	86,3	Đồng Giồng	DTL
28	Nguyễn Trọng Tuệ	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1936	1.187,9	167,3		1.020,6	167,3	Đồng Giồng	LUC
29	Nguyễn Thị Hương	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1943	1.275,6	194,1		1.081,5	194,1	Đồng Xẻo cò	LUC
30	Đào Văn Vinh	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1883	1.070,3	153,3	40,1	876,9	153,3	Đồng Xẻo cò	LUC
31	Phan Tất Thắng	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1900	948,0	147,6	37,2	763,2	147,6	Đồng Giồng	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
32	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1847	25,7	7,7		18,0	7,7	Đồng Xẻo cò	DTL
33	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1873	28,2	9,1		19,1	9,1	Đồng Giồng	DTL
34	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1921	177,1	103,9		73,2	103,9	Đồng Giồng	DTL
35	Chu Văn Điển	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1862	650,1	110,1		540,0	110,1	Đồng Cửa	LUC
36	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 21-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1768	167,7	167,7		-	167,7	Đồng Cửa	DTL
37	Phan Tất Hà	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1787	2.843,9	381,6		2.462,3	381,6	Đồng Cửa	LUC
38	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1827	224,6	57,2		167,4	57,2	Đồng cửa	LUC
39	Phan Bá Khiển	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2297	50,0	9,3		40,7	9,3	Đồng Cửa	LUC
40	Phan Sỹ Trang	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2050	150,3	20,3		130,0	20,3	Đồng Cửa	LUC
41	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1793	33,7	4,9		28,8	4,9	Đồng Cửa	DGT
42	Cao Thị Thanh	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2296	38,6	5,4		33,2	5,4	Đồng Cửa	LUC
43	Phan Tất Phú	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2295	76,5	11,7		64,8	11,7	Đồng Cửa	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
44	Phan Thị Quý	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2295	51,0	7,3		43,7	7,3	Đồng Cửa	LUC
45	Phan Thị Soa	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2293	63,8	9,4		54,4	9,4	Đồng Cửa	LUC
46	Phan Đình Sơn	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2292	25,5	3,8		21,7	3,8	Đồng Cửa	LUC
47	Phan Đình Kỳ	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2291	51,0	8,0		43,0	8,0	Đồng Cửa	LUC
48	Phan Bá Bài	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2290	51,0	8,3		42,7	8,3	Đồng Cửa	LUC
49	Đào Văn Đệ	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2289	89,3	13,1		76,2	13,1	Đồng Cửa	LUC
50	Đình Thị Tuyết	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2288	80,0	28,1		51,9	28,1	Đồng Cửa	LUC
51	Nguyễn Thị Hòa	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2287	67,7	8,6		59,1	8,6	Đồng Cửa	LUC
52	Phan Thị Lan	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2286	56,5	7,4		49,1	7,4	Đồng Cửa	LUC
53	Phan Văn Tuân	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2285	67,8	9,0		58,8	9,0	Đồng Cửa	LUC
54	Nguyễn Thị Hà (Đao)	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2284	56,5	7,4		49,1	7,4	Đồng Cửa	LUC
55	Phan Sỹ Bình	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2283	67,8	9,4		58,4	9,4	Đồng Cửa	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
56	Phan Bá Khoái	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2282	54,6	6,9		47,7	6,9	Đồng Cửa	LUC
57	Phan Thị Hồng	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2281	32,7	4,4		28,3	4,4	Đồng Cửa	LUC
58	Phan Duy Mân	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2280	87,1	13,0		74,1	13,0	Đồng Cửa	LUC
59	Phan Bá Trí	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2279	54,5	8,4		46,1	8,4	Đồng Cửa	LUC
60	Phan Thị Thanh (Hải)	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2278	42,1	4,3		37,8	4,3	Đồng Cửa	LUC
61	Quách Đại Thắng	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2277	41,8	5,7		36,1	5,7	Đồng Cửa	LUC
62	Nguyễn Minh Ngọc	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2276	41,8	49,0		(7,2)	49,0	Đồng Cửa	LUC
63	Chu Thị Mai	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2275	73,1	7,4		65,7	7,4	Đồng Cửa	LUC
64	Chu Văn Thái	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2274	62,6	8,4		54,2	8,4	Đồng Cửa	LUC
65	Phan Tất Lai	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2273	60,0	31,1		28,9	31,1	Đồng Cửa	LUC
66	Phan Sỹ Trang	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2272	86,0	12,5		73,5	12,5	Đồng Cửa	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
67	Phan Thị Việt	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2271	24,0	4,1		19,9	4,1	Đồng Cửa	LUC
68	Phan Sỹ Thuận	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2270	96,1	18,0		78,1	18,0	Đồng Cửa	LUC
69	Nguyễn Thị Bảy	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2269	12,0	2,0		10,0	2,0	Đồng Cửa	LUC
70	Lê Huy Cương	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2268	48,1	9,2		38,9	9,2	Đồng Cửa	LUC
71	Phan Tất Kháng	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2267	60,1	12,3		47,8	12,3	Đồng Cửa	LUC
72	Phan Bá Yên	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2266	75,0	16,1		58,9	16,1	Đồng Cửa	LUC
73	Phan Bá Giá	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2265	42,8	9,7		33,1	9,7	Đồng Cửa	LUC
74	Phan Thị Hoa (Cam)	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2264	74,9	17,0		57,9	17,0	Đồng Cửa	LUC
75	Phan Thị Hà (Thanh)	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2263	54,4	8,1		46,3	8,1	Đồng Cửa	LUC
76	Phan Quốc Đình	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2262	76,2	11,8		64,4	11,8	Đồng Cửa	LUC
77	Phan Thị Hưu	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2261	76,1	12,9		63,2	12,9	Đồng Cửa	LUC
78	Phan Quốc Hội	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2260	54,4	10,8		43,6	10,8	Đồng Cửa	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
79	Phan Quốc Lai	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2259	21,8	3,6		18,2	3,6	Đồng Cửa	LUC
80	Phan Quốc Hoàng	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2258	21,8	3,6		18,2	3,6	Đồng Cửa	LUC
81	Phan Quốc Hải	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2257	32,6	5,2		27,4	5,2	Đồng Cửa	LUC
82	Chu Văn Điền	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2256	30,0	11,4		18,6	11,4	Đồng Cửa	LUC
83	Nguyễn Trọng Sơn	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2255	60,0	22,5		37,5	22,5	Đồng Cửa	LUC
84	Phan Văn Huỳnh	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2254	13,4	1,6		11,8	1,6	Đồng Cửa	LUC
85	Phan Đăng Trung	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2253	26,7	3,7		23,0	3,7	Đồng Cửa	LUC
86	Phan Văn Tuyền	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2252	53,3	7,5		45,8	7,5	Đồng Cửa	LUC
87	Phan Văn Tuấn	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2251	93,3	35,7		57,6	35,7	Đồng Cửa	LUC
88	Phan Văn Duân	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2250	40,0	4,2		35,8	4,2	Đồng Cửa	LUC
89	Phan Văn Năm	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2249	93,3	17,8		75,5	17,8	Đồng Cửa	LUC
90	Phan Tất Sang	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	2248	50,0	4,2		45,8	4,2	Đồng Cửa	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
91	Phan Tất Phú	Hoa Thám	Mảnh 22-Sô 602/2025/BĐĐC/CTMT	2247	70,0	70,0		-	70,0	Đồng Cửa	LUC
92	Chu Văn Thắng	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1640	109,3	24,0		85,3	24,0	Đồng Cửa	LUC
93	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1797	73,2	73,2		-	73,2	Đồng Cửa	DTL
94	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1666	238,9	104,1		134,8	104,1	Đồng Cửa	DTL
95	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1609	264,0	203,3		60,7	203,3	Đồng Cửa	DTL
96	Lê Thị Trường	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1689	1.229,2	232,5		996,7	232,5	Đồng Cửa	LUC
97	Nguyễn Thị Hà	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1648	1.286,8	161,3	91,4	1.034,1	161,3	Đồng Cửa	LUC
98	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1626	119,8	70,9		48,9	70,9	Đồng Cửa	DTL
99	Phan Tất Hải	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1607	1.312,4	147,9	62,2	1.102,3	147,9	Đồng Cửa	LUC
100	Phan Quốc Lai	Hoa Thám	Mảnh 22-Sô 602/2025/BĐĐC/CTMT	1586	698,8	138,2		560,6	138,2	Đồng Cửa	LUC
101	Phan Đăng Châu	Phường 7, TP Vũng Tàu cũ, nay là TP HCM	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1604	109,2	22,2		87,0	22,2	Đồng Cửa	LUC

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (xóm)	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích ảnh hưởng trong ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích đã thu hồi tại DA Hạ tầng cánh đồng mẫu lớn (m ²)	Ngoài ranh giới GPMB (m ²)	Diện tích pháp lý nằm trong GPMB (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất
102	Phan Tất Lục	Hoa Thám	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1593	190,8	34,4		156,4	34,4	Đồng Cửa	LUC
103	UBND xã	Phúc Trung	Mảnh 22-Số 602/2025/BĐĐC/CTMT	1567	843,4	72,0		771,4	72,0	Đồng Cửa	LUK
TỔNG					42.432,3	10.051,5	348,7	32.032,1	10.051,5		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN THÀNH